

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI

Địa chỉ: số 189 đường đi Đình Vũ, P Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

Điện thoại: (031) 3978895 - Fax: (031) 3978895

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

kèm theo

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP



Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

Số 3 - ngõ 1295 đường Giải Phóng - Hoàng Mai - Hà Nội

Điện thoại: (04) 3 974 5081/82 Fax: (04) 3 974 5083

Hà Nội, tháng 02 năm 2016

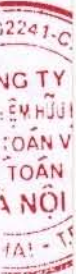
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI

Địa chỉ: số 189 đường đi Đình Vũ, P Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

Điện thoại: (031) 3978895 - Fax: (031) 3978895

MỤC LỤC

Nội dung	Trang số
Báo cáo của hội đồng quản trị và Ban giám đốc	2 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
<i>Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015</i>	6 - 7
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính 2015</i>	8
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính 2015</i>	9
<i>Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2015</i>	10 - 35



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

Khái quát chung về Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải

Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải được hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200793081, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 14/03/2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 25/08/2015.

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 47/2009/GCNCP - VSD do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp ngày 01/09/2009, thay đổi lần thứ 5 ngày 05/08/2015. Tổng số lượng chứng khoán niêm yết là 18.711.000 cổ phiếu tương ứng với giá trị chứng khoán niêm yết là 187.110.000.000đồng.

Công ty có trụ sở tại: số 189 Đường đi Đình Vũ, P Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty tại ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị:

1 Ông Lê Thái Cường	Chủ tịch HĐQT (bổ nhiệm ngày 09/4/2015)
2 Ông Bùi Chí Hùng	Chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm ngày 09/4/2015)
3 Bà Hoàng Thị Ngọc Lan	Ủy viên
4 Ông Hoàng Anh Dũng	Ủy viên
5 Bà Vũ Thị Phú	Ủy viên
6 Bà Đào Kim Phương	Ủy viên
7 Bà Nguyễn Thị Hồng Mai	Ủy viên (ĐHCĐTN bầu ngày 25/4/2015)
8 Ông Đặng Tiệp	Ủy viên (ĐHCĐTN bầu ngày 25/4/2015)
9 Ông Lê Hoài Nam	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 24/03/2015)

Ban Giám đốc:

1 Ông Lê Quang Huy	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 16/9/2015)
2 Ông Hoàng Anh Dũng	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 2/4/2015)
3 Bà Hoàng Thị Ngọc Lan	Phó Tổng Giám đốc
4 Bà Nguyễn Thu Thủy	Kế toán trưởng

Ban Kiểm soát:

1 Ông Trần Xuân Trường	Trưởng ban (BKS bầu ngày 21/05/2015)
2 Bà Nguyễn Thị Hiệt	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 23/03/2015)
3 Bà Trần Thị Kim Hồng	Thành viên
4 Bà Văn Thị Thanh Bình	Thành viên

Kiểm toán viên độc lập



Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI).

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định những

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Đại diện cho

Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải



Chủ tịch Hội đồng quản trị

Lê Thái Cường

Hải Phòng, ngày 20 tháng 01 năm 2016





Số: 03 /2016/CPA HANOI - BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015
của Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải*

Kính gửi:

CÁC CỔ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI) đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải được lập ngày 20/01/2016, trình bày từ trang 06 đến trang 35 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

241-C
CÔNG TY
KIỂM TOÁN VÀ
KẾ TOÁN
HÀ NỘI
AI - TP

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán, được lập thành 09 bản tiếng Việt; các bản có giá trị pháp lý như nhau Công ty cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải giữ 08 bản, Công ty Kiểm toán và Kế toán Hà Nội giữ 01 bản.

Hà Nội, ngày 18 tháng 02 năm 2016

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Gấm

Giấy CNDKHNKT số: 1082-2013-016-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Thị Phấn

Giấy CNDKHNKT số: 0928-2013-016-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A.TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		80.397.582.453	38.753.784.329
I.Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	65.051.792.424	8.108.447.776
1.Tiền	111		2.051.792.424	3.108.447.776
2.Các khoản tương đương tiền	112		63.000.000.000	5.000.000.000
II.Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III.Các khoản phải thu ngắn hạn	130		14.063.035.816	27.917.128.453
1.Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.4	1.780.191.971	4.536.688.855
2.Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	100.221.500
3.Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.2a	-	13.000.000.000
4.Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.1	12.282.843.845	10.280.218.098
IV.Hàng tồn kho	140	V.6	796.257.484	2.417.095.424
1.Hàng tồn kho	141		2.296.257.484	3.054.475.424
2.Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(1.500.000.000)	(637.380.000)
V.Tài sản ngắn hạn khác	150		486.496.729	311.112.676
1.Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8.1	486.496.729	311.112.676
B.TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC	200		186.977.826.356	176.144.096.510
I.Các khoản phải thu dài hạn	210		42.482.000.000	29.490.000.000
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.2b	42.482.000.000	26.570.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.5.2	-	2.920.000.000
II.Tài sản cố định	220		3.548.701.333	4.736.413.468
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	3.548.701.333	4.736.413.468
- Nguyên giá	222		9.693.877.232	10.077.572.471
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(6.145.175.899)	(5.341.159.003)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.3	140.900.232.227	141.640.685.378
1. Đầu tư vào công ty con	251		143.035.120.074	143.035.120.074
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(2.134.887.847)	(1.394.434.696)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		46.892.796	276.997.664
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8.2	46.892.796	276.997.664
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		267.375.408.809	214.897.880.839

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 35 là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng Báo cáo tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		10.806.547.255	5.639.869.899
I. Nợ ngắn hạn	310		10.806.547.255	4.397.669.899
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	1.281.062.290	1.474.764.194
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		28.522.242	23.452.595
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	513.343.185	527.030.081
4. Phải trả người lao động	314		119.639.395	123.546.585
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	32.357.000	52.465.650
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.14	491.773.811	295.849.161
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13.1	8.044.510.034	823.520.485
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.9a	-	1.020.000.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		295.339.298	57.041.148
II. Nợ dài hạn	330		-	1.242.200.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.13.2	-	443.200.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.9b	-	799.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		256.568.861.554	209.258.010.940
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	256.568.861.554	209.258.010.940
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		187.110.000.000	140.300.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		184.608.660.000	137.800.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		9.772.359.500	11.874.859.500
3. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(2.526.129.900)	(2.524.789.900)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		477.841.404	337.506.100
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		61.734.790.550	59.270.435.240
- LNST chưa phân phối đến cuối kỳ trước	421a		31.063.192.433	50.234.465.268
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		30.671.598.117	9.035.969.972
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		267.375.408.809	214.897.880.839

Người lập biểu



Nguyễn Thu Thủy

Kế toán trưởng



Nguyễn Thu Thủy

Hải Phòng, ngày 20 tháng 01 năm 2016

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Lê Thái Cường

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	21.112.999.135	26.276.819.906
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10		21.112.999.135	26.276.819.906
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	18.037.813.620	22.765.897.035
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		3.075.185.515	3.510.922.871
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	32.298.904.285	26.635.254.022
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	751.984.818	2.283.153.283
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		11.531.667	888.718.587
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	3.053.236.229	2.819.797.049
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		31.568.868.753	25.043.226.561
11. Thu nhập khác	31		200.000.000	3.461.000.000
12. Chi phí khác	32		137.666.697	1.996.426.632
13. Lợi nhuận khác	40		62.333.303	1.464.573.368
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		31.631.202.056	26.507.799.929
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	959.603.939	791.635.051
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		30.671.598.117	25.716.164.878

Người lập biểu



Nguyễn Thu Thủy

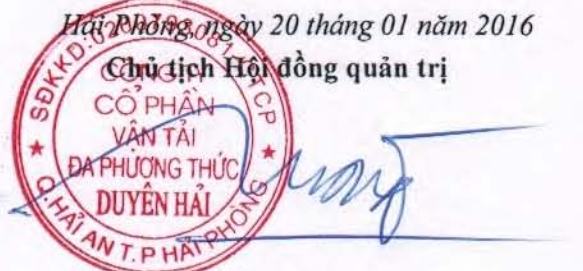
Kế toán trưởng



Nguyễn Thu Thủy

Hải Phòng, ngày 20 tháng 01 năm 2016

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Lê Thái Cường

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	3	4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		23.734.795.350	28.767.333.091
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(18.359.844.961)	(21.386.846.598)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(1.502.016.120)	(1.308.753.402)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(11.531.667)	(993.385.253)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(687.606.537)	(865.332.043)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		50.232.220.091	52.884.549.987
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(44.399.129.545)	(55.129.764.348)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		9.006.886.611	1.967.801.434
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		2.500.000.000	760.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(13.052.000.000)	(38.410.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		10.140.000.000	40.499.500.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			(14.440.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		31.676.971.948	23.094.345.298
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		31.264.971.948	11.503.845.298
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		37.817.500.000	13.920.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của DN đã phát hành	32		(1.340.000)	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	VII.1		10.808.133.683
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	VII.2	(1.020.000.000)	(25.739.871.059)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(20.124.769.830)	(12.888.762.964)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		16.671.390.170	(13.900.500.340)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		56.943.248.729	(428.853.608)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		8.108.447.776	8.537.301.384
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61		95.919	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		65.051.792.424	8.108.447.776

Hải Phòng, ngày 20 tháng 01 năm 2016

Người lập biểu



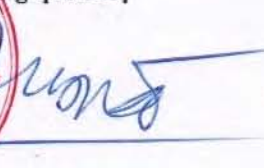
Nguyễn Thu Thủy

Kế toán trưởng



Nguyễn Thu Thủy

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Lê Thái Cường

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 35 là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải được hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200793081, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 14/03/2008 và đăng kí thay đổi lần thứ 12 ngày 25/08/2015.

Công ty có trụ sở tại: số 189 Đường đi Đình Vũ, P Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

Vốn điều lệ của Công ty trên đăng ký kinh doanh là: 187.110.000.000 đồng

(Bằng chữ: Một trăm tám mươi bảy tỷ một trăm mười triệu đồng).

2 Lĩnh vực kinh doanh: Thương mại và dịch vụ

3 Ngành nghề kinh doanh

- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ. Chi tiết : vận tải hàng hoá bằng ô tô, xe container.
- Sửa chữa máy móc, thiết bị. Chi tiết : Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị (không bao gồm tàu biển, máy bay, hoặc các phương tiện và thiết bị vận tải khác).
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ thông quan; Vận tải đa phương thức (không bao gồm kinh doanh vận chuyển hàng không và kinh doanh hàng không chung); Dịch vụ logistics; Dịch vụ đại lý tàu biển.
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác.
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết : Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm và chế phẩm vệ sinh.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (bao gồm cho thuê văn phòng, nhà xưởng).
- Sản xuất thân xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc.
- Vận tải hàng hoá ven biển và viễn dương.
- Vận tải hàng hoá đường sắt.
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xếp dỡ hàng hoá;
- Cho thuê container.
- Cho thuê xe có động cơ.

4 Các công ty con:

1 Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải

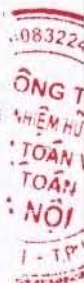
Địa chỉ: km104+200, đường Nguyễn Bình Khiêm, P Đông Hải 2, Q Hải An, TP Hải Phòng

2 Công ty TNHH Thời trang Mỹ phẩm Duyên Hải

Địa chỉ: số 189 đường đi Đình Vũ, P Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

Ngày 10/11/2015 Công ty thông qua Nghị quyết số 09/2015/NQ-HĐQT thông qua việc giải thể Công ty TNHH Thời trang Mỹ phẩm Duyên Hải. Tại thời điểm 31/12/2015 Công ty chưa hoàn tất thủ tục giải thể theo quy định.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)



3 Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải

Địa chỉ: số 189 đường đi Đình Vũ, P Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

4 Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội

Địa chỉ: Phòng 212 nhà N3, Lê Văn Lương, Trung Hoà - Nhân Chính, P Nhân Chính, Q Thanh Xuân, TP Hà Nội.

5 Công ty TNHH Container Minh Thành

Địa chỉ: số 189 đường đi Đình Vũ, P Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

6 Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải

Địa chỉ: số 189 đường đi Đình Vũ, P Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

7 Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ

Địa chỉ: Lô số 2, khu công nghiệp Thụy Vân, xã Thụy Vân, TP Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm : bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12.
2. Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán, lập và trình bày báo cáo tài chính là: Đồng Việt Nam (VND).

III. Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.
2. Tuyên bố tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:
Chúng tôi, Công ty cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải, tuyên bố tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành, phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

1 Các loại tỷ giá hối đoái sử dụng trong kế toán:**a Nguyên tắc xác định tỷ giá giao dịch thực tế:**

- Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:
- + Tỷ giá giao dịch khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại.
- + Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính: Là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch theo nguyên tắc:

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

b Nguyên tắc xác định tỷ giá ghi sổ: Tỷ giá ghi sổ gồm tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh hoặc tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động.

- Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh: Là tỷ giá khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định theo tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc tại thời điểm đánh giá lại cuối kỳ của từng đối tượng.

- Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động là tỷ giá được sử dụng tại bên Có tài khoản tiền khi thanh toán tiền bằng ngoại tệ, được xác định trên cơ sở lấy tổng giá trị được phản ánh tại bên Nợ tài khoản tiền chia cho số lượng ngoại tệ thực có tại thời điểm thanh toán.

c Nguyên tắc áp dụng tỷ giá trong kế toán:

- Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm giao dịch phát sinh được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán đối với:

+ Các tài khoản phản ánh doanh thu, thu nhập khác. Riêng trường hợp bán hàng hoa, cung cấp dịch vụ hoặc thu nhập có liên quan đến doanh thu nhận trước hoặc giao dịch nhận trước của người mua thì doanh thu, thu nhập tương ứng với số tiền nhận trước được áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm nhận trước của người mua.

+ Các tài khoản phản ánh chi phí sản xuất, kinh doanh, chi phí khác. Riêng trường hợp phân bổ khoản chi phí nhận trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ thì chi phí được ghi nhận theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm trả trước.

+ Các tài khoản phản ánh tài sản. Riêng trường hợp tài sản được mua có liên quan đến giao dịch trả trước cho người bán thì giá trị tài sản tương ứng với số tiền trả trước được áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm trả trước cho người bán.

+ Tài khoản loại vốn chủ sở hữu.

+ Bên Nợ các tài khoản phải thu; Bên Nợ các tài khoản vốn bằng tiền; Bên Nợ các tài khoản phải trả khi phát sinh giao dịch trả tiền trước cho người bán.

+ Bên Có các tài khoản phải trả; Bên Có các tài khoản phải thu khi phát sinh giao dịch nhận trước tiền của người mua.

- Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán đối với các loại tài khoản sau:

+ Bên Có các tài khoản phải thu (ngoại trừ trường hợp giao dịch nhận trước tiền của người mua); Bên Nợ tài khoản phải thu khi tất toán khoản tiền nhận trước của người mua do đã chuyển giao sản phẩm, hàng hoá, TSSCĐ, cung cấp dịch vụ, khối lượng được nghiệm thu; Bên Có các tài khoản ký cược, ký quỹ, chi phí trả trước.

+ Bên Nợ các tài khoản phải trả (ngoại trừ giao dịch trả trước tiền cho người bán); Bên Có tài khoản phải trả khi tất toán khoản tiền ứng trước cho người bán do đã nhận được sản phẩm, hàng hoá, TSSCĐ, dịch vụ, nghiệm thu khối lượng.



Trường hợp trong kỳ phát sinh nhiều khoản thu hoặc phải trả bằng ngoại tệ với cùng một đối tượng thì tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền di động của các giao dịch đối với các đối tượng đó.

Khi thực hiện thanh toán bằng ngoại tệ, tỷ giá bình quân gia quyền di động được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán ở Bên Có các tài khoản tiền.

2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: các khoản tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), tiền đang chuyển và các khoản tương đương tiền của doanh nghiệp. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản đầu tư khác có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty bao gồm đầu tư vào Công ty con, đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc, bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư hoặc ngày mua trái phiếu.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn:

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn được áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính.

4 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời gian đáo hạn không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Các khoản không được phân loại là ngắn hạn thì được phân loại lại là dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu không được khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

5 Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho và phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Hàng tồn kho không bao gồm giá trị chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn và giá trị thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn.

Những chi phí không được tính vào giá gốc hàng tồn kho:

Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)



- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp....

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ = Giá trị hàng tồn đầu kỳ + Giá trị hàng nhập trong kỳ - Giá trị hàng xuất trong kỳ. (Phương pháp tính giá hàng xuất kho theo phương pháp Bình quân gia quyền).

Phương pháp hạch toán tổng hợp hàng tồn kho: Theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm lập Báo cáo tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Tăng giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn.

6 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình và thuê tài chính

Tài sản cố định của Công ty được hạch toán theo 03 chỉ tiêu: nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá của tài sản cố định được xác định là giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá) và cả chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo thời gian sử dụng ước tính và theo phương pháp khấu hao đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian KH
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 50 năm
Máy móc-thiết bị	3 - 12 năm
Phương tiện vận tải	6- 10 năm
Thiết bị quản lý	3 - 10 năm
Tài sản cố định khác	3 - 5 năm
Tài sản cố định vô hình	3 - 50 năm

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

7 Nguyên tắc kế toán các hợp đồng, hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh có thể được thực hiện dưới hình thức cùng nhau xây dựng tài sản hoặc hợp tác trong một số hoạt động kinh doanh. Các bên tham gia có thể thoả thuận chia doanh thu, chia sản phẩm hoặc chia lợi nhuận sau thuế.

Trong mọi trường hợp, khi nhận tiền, tài sản của các bên khác đóng cho hoạt động hợp tác kinh doanh, bên nhận phải kế toán là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu.

Đối với hợp đồng hợp tác kinh doanh theo hình thức tài sản đồng kiểm soát mỗi bên tham gia được nhận sản phẩm hoặc doanh thu từ việc sử dụng và khai thác tài sản đồng kiểm soát và chịu một phần chi phí phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng.

Đối với hợp đồng hợp tác kinh doanh theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các khoản chi phí phát sinh riêng cho hoạt động này bên nào bỏ ra bên đó gánh chịu. Đối với các khoản chi phí chung (nếu có) thì căn cứ vào các thoả thuận trong hợp đồng để phân chia cho các bên góp vốn.

8 Nguyên tắc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế ngoại trừ:

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi các công ty trong Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự tính thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

9 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí trả trước

- Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.
- Các loại chi phí trả trước dài hạn bao gồm

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

- Chi phí trả trước về thuê cơ sở hạ tầng, thuê hoạt động tài sản cố định.
- Chi phí mua bảo hiểm và các loại lệ phí mà doanh nghiệp mua và trả một lần cho nhiều kỳ kế toán.
- Công cụ, dụng cụ, bao bì luân chuyển đồ dùng cho thuê liên quan đến hoạt động nhiều kỳ kế toán.
- Chi phí trả trước về lãi tiền vay hoặc lãi trái phiếu ngay khi phát hành.
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn, doanh nghiệp không thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ và phân bổ tối đa không quá 3 năm
- Số chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá trị còn lại của TSCĐ bán và thuê lại là thuê hoạt động.
- Trường hợp hợp nhất kinh doanh không dẫn tới quan hệ công ty mẹ - công ty con có phát sinh lợi thế thương mại hoặc khi cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước có phát sinh lợi thế kinh doanh.
- Các khoản chi phí trả trước khác phục vụ cho hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

10 Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, và các khoản phải trả khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời gian đáo hạn không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là phải trả ngắn hạn.
- Các khoản không được phân loại là ngắn hạn thì được phân loại lại là dài hạn.

11 Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay và nợ thuê tài chính có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được hạch toán vào chi phí tài chính. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hoá.

Đối với các khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

12 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chính sách kế toán áp dụng cho chi phí đi vay Công ty thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán số 16 về Chi phí đi vay, cụ thể:

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

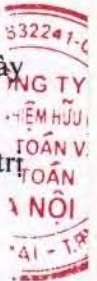
Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

- Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

13 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)



Chi phí phải trả dùng để phản ánh các khoản phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hoá đơn hoặc chưa đủ hồ sơ tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Ngoài ra chi phí phải trả còn phản ánh các khoản phải trả cho người lao động trong kỳ như phải trả về tiền lương nghỉ phép và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo phải trích trước như:

Chi phí trong thời gian doanh nghiệp ngừng sản xuất theo mùa vụ.

Trích trước chi phí lãi tiền vay phải trả trong trường hợp vay trả lãi sau, lãi trái phiếu trả sau.

Trích trước chi phí để tạm tính giá vốn hàng hoá, thành phẩm bất động sản đã bán.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

14 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả.

Các khoản dự phòng phải trả là nghĩa vụ nợ hiện tại nhưng thường chưa xác định được thời gian thanh toán cụ thể. Các khoản này được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra.
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Các khoản dự phòng phải trả này thường được ước tính và có thể chưa xác định được chắc chắn số sẽ phải trả. Các khoản phải trả chưa phát sinh do chưa nhận hàng hoá, hàng hoá dịch vụ nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ này để đảm bảo khi phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh được phản ánh là dự phòng phải trả. Các trích trước được phản ánh vào dự phòng phải trả được như:

Chi phí sửa chữa lớn của những tài sản đặc thù do việc sửa chữa lớn có tính chu kỳ, doanh nghiệp được phép trích trước chi phí sửa chữa lớn cho năm kế hoạch hoặc một số năm tiếp theo.

Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây dựng, tái cơ cấu;

Các khoản dự phòng phải trả khác.

15 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện:

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; Khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ; Và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: Khoản chênh lệch giữa bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hoá, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống... Không hạch toán vào doanh thu chưa thực hiện các khoản:

- Tiền nhận trước của người mua mà doanh nghiệp chưa cung cấp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ;
- Doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ;

16 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu bao gồm:
 - + Vốn góp ban đầu, góp bổ sung của các chủ sở hữu.
 - + Các khoản được bổ sung từ các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu, lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái đều được phản ánh ngày vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại thời điểm phát sinh.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá thực tế mua lại bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc mua lại cổ phiếu.

Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được thực hiện theo điều lệ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông của Công ty.

17 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng, được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua; Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn đồng thời cả bốn điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm:

Lãi tiền gửi, lãi cho vay, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, chiết khấu thanh toán được hưởng khi mua hàng hóa dịch vụ...

Cổ tức lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư.

Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn; Lãi chuyển nhượng vốn khi thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác.

Lãi tỷ giá hối đoái và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác

18 Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu được điều chỉnh giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ bao gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì được coi là sự kiện cần được điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước)

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước sau điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

19 Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán



Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán ra trong kỳ. Ngoài ra nó phản ánh đến các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí nghiệp vụ cho thuê bất động sản đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở lượng hàng tồn kho và phân chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

Chi phí nguyên vật liệu, nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn trong kỳ.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua nếu khi xuất bán hàng hoá mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì ghi giảm giá vốn hàng bán.

Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ được ghi giảm giá vốn hàng bán.

20 Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác được ghi giảm chi phí tài chính tài chính.

21 Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng của doanh nghiệp là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản hoàn nhập dự phòng phải trả về bảo hành sản phẩm, hàng hoá (chênh lệch giữa số phải lập dự phòng kỳ này nhỏ hơn số phải lập dự phòng kỳ trước chưa sử dụng hết) thì ghi giảm chi phí bán hàng.

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương và trích theo lương của nhân viên quản lý, chi phí vật liệu văn phòng, chi phí công cụ dụng cụ, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

Hoàn nhập số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số phải lập dự phòng kỳ này nhỏ hơn số phải lập dự phòng kỳ trước chưa sử dụng hết) được ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp.

22 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở tổng thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc:

Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm.

Hoàn lại tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VND)

1. Tiền	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	63.622.991	95.676.299
Tiền gửi Ngân hàng	1.988.169.433	3.012.771.477
Tiền gửi ngân hàng VNĐ	1.988.169.433	3.010.863.544
NH TM CP Công Thương VN - CN Ngô Quyền HP	229.507.490	21.758.659
NH Liên Doanh Việt Nga CN Hải Phòng	105.374.757	
NH TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Đông Hải Phòng	1.653.287.186	2.989.104.885
Tiền gửi Ngân hàng USD	-	1.907.933
NH TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Đông Hải Phòng	-	1.907.933
- Các khoản tương đương tiền	63.000.000.000	5.000.000.000
Gửi tiết kiệm NH BIDV- CN Đông Hải Phòng	20.000.000.000	5.000.000.000
Gửi tiết kiệm NH liên doanh Việt Nga-CN Hải Phòng	43.000.000.000	
Cộng	65.051.792.424	8.108.447.776
2. Phải thu cho về cho vay	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu về cho vay các bên liên quan	42.482.000.000	39.570.000.000
a Phải thu cho về cho vay ngắn hạn	-	13.000.000.000
Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải (1)	-	11.000.000.000
Công ty TNHH SX và Thương mại Duyên Hải	-	2.000.000.000
b Phải thu cho về cho vay dài hạn	42.482.000.000	26.570.000.000
Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải (1)	26.182.000.000	11.660.000.000
Công ty TNHH Container Minh Thành (2)	15.550.000.000	14.510.000.000
Công ty TNHH MTV VT ĐPT Duyên Hải Hà Nội (3)	750.000.000	400.000.000
Cộng	42.482.000.000	39.570.000.000

(1) Khoản đầu tư vào Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải theo các hợp đồng số 01/HDCV/2013 ngày 02/01/2013; Hợp đồng số 10/HDCV/2014 ngày 05/12/2014; Hợp đồng số 02//HDCV/2015 ngày 27/1/2015; Hợp đồng số 03/HDCV/2015 ngày 3/2/2015; Hợp đồng số 04/HDCV/2015 ngày 03/04/2015; Hợp đồng số 10/HDCVV/2015 ngày 31/7/2015 và số 14/HDCVV/2015 ngày 23/9/2015, lãi suất cho vay 6%/năm. Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải dùng khoản vay này để mua sắm dàn xe container và phục vụ sản xuất kinh doanh.

(2) Khoản đầu tư vào Công ty TNHH Container Minh Thành theo hợp đồng vay số 10/HDCVV/2013 ngày 10/12/2013, số 11/HDCVV/2015 ngày 19/8/2015 và số 12/HDCVV/2015 ngày 27/8/2015, lãi suất cho vay 6%/năm. Công ty con dùng nguồn vay này để phục vụ sản xuất kinh doanh

(3) Khoản đầu tư vào Công ty TNHH MTV VT ĐPT Duyên Hải Hà Nội theo hợp đồng vay số 05/HDCV/2013 ngày 2/1/2013, hợp đồng số 01/HDCVV/2015 ngày 27/1/2015, lãi suất vay 6%/năm. Công ty con dùng khoản vay này để kinh doanh.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

3. Các khoản đầu tư tài chính

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

TT	Đầu tư công ty con	Số cuối năm				Số đầu năm			
		Tỷ lệ QSH	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ QSH	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
1	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	99,68%	45.655.576.172		45.655.576.172	99,68%	45.655.576.172		45.655.576.172
2	Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải	99,35%	14.503.099.339		14.503.099.339	99,35%	14.503.099.339		14.503.099.339
3	Công ty TNHH SX & TM Duyên Hải	99,00%	32.867.444.563		32.867.444.563	99,00%	32.867.444.563		32.867.444.563
4	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	100,00%	6.500.000.000		6.500.000.000	100,00%	6.500.000.000		6.500.000.000
5	Công ty TNHH MTV VT ĐPT Duyên Hải Hà Nội	100,00%	2.520.000.000	(1.318.046.521)	1.201.953.479	100,00%	2.520.000.000	(1.167.670.482)	1.352.329.518
6	Công ty TNHH Thời trang Mỹ phẩm Duyên Hải	100,00%	999.000.000	(816.841.326)	182.158.674	100,00%	999.000.000	(226.764.214)	772.235.786
7	Công ty TNHH Container Minh Thành	99,9%	39.990.000.000		39.990.000.000	99,9%	39.990.000.000		39.990.000.000
	Cộng		143.035.120.074	(2.134.887.847)	140.900.232.227		143.035.120.074	(1.394.434.696)	141.640.685.378

Trong năm tài chính 2015 kết quả hoạt động của các công ty con như sau:

Tên Công ty	LN sau thuế năm 2015
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	5.150.995.439
Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải	4.573.677.370
Công ty TNHH SX & TM Duyên Hải	5.423.782.198
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	13.887.685.428
Công ty TNHH MTV VT ĐPT Duyên Hải Hà Nội	(150.376.039)
Công ty TNHH Thời trang Mỹ phẩm Duyên Hải	(590.077.112)
Công ty TNHH Container Minh Thành	608.712.279
Tổng cộng	28.904.399.563

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)



4. Phải thu khách hàng	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu khách hàng ngắn hạn	1.780.191.971	-	4.536.688.855	-
<i>a Phải thu khách hàng không là các bên liên quan</i>	<i>1.708.638.201</i>	-	<i>4.353.869.656</i>	-
<i>b Phải thu khách hàng là các bên liên quan</i>	<i>71.553.770</i>	-	<i>182.819.199</i>	-
Công ty TNHH vận tải đường bộ Duyên Hải	61.600.000	-	54.560.000	-
Công ty TNHH sản xuất và thương mại Duyên Hải	-	-	110.000.000	-
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	9.953.770	-	18.259.199	-
Cộng	1.780.191.971	-	4.536.688.855	-

5. Phải thu khác	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
5.1 Phải thu khác ngắn hạn	12.282.843.845	-	10.280.218.098	-
<i>a Phải thu khác - TK 138</i>	<i>11.550.992.273</i>	-	<i>9.544.697.026</i>	-
<i>a1 Phải thu khác các bên không liên quan</i>	<i>235.963.203</i>	-	<i>974.025</i>	-
Công ty Cổ phần đầu tư bất động sản Minh Phương	235.614.918	-	-	-
Các đối tượng khác	348.285	-	974.025	-
<i>a2 Phải thu khác các bên liên quan</i>	<i>11.315.029.070</i>	-	<i>9.543.723.001</i>	-
- <i>Phải thu về cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	<i>8.647.589.070</i>	-	<i>7.629.772.001</i>	-
Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải	3.344.990.500	-	1.318.536.191	-
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	1.450.274.300	-	1.951.856.188	-
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	2.415.772.761	-	3.648.858.333	-
Công ty TNHH Container Minh Thành	252.642.112	-	268.556.073	-
Công ty TNHH Vận Tải Duyên Hải	1.183.909.397	-	441.965.216	-
- <i>Phải thu lãi vay</i>	<i>229.530.000</i>	-	<i>183.680.000</i>	-
Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải	127.668.333	-	138.262.222	-

	Công ty TNHH MTV VT ĐPT Duyên Hải Hà Nội	21.520.000	-	18.306.667	-
	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	-	-	27.111.111	-
	Công ty TNHH Container Minh Thành	80.341.667	-	-	-
-	Phải thu khác	2.437.910.000	-	1.730.271.000	-
	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	2.327.085.000	-	407.583.000	-
	Công ty TNHH Vận Tải Duyên Hải	110.825.000	-	182.688.000	-
	Nguyễn Thành Lê	-	-	1.140.000.000	-
b	Phải thu về tạm ứng	731.851.572	-	735.521.072	-
5.2	Phải thu khác dài hạn	-	-	2.920.000.000	-
	Công ty Cổ phần Đầu tư BĐS Minh Phương	-	-	2.920.000.000	-
6.	Hàng tồn kho	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	Hàng hóa	2.296.257.484	(1.500.000.000)	3.054.475.424	(637.380.000)
	Cộng giá gốc hàng tồn kho	2.296.257.484	(1.500.000.000)	3.054.475.424	(637.380.000)



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI

Địa chỉ: số 189 đường đi Đình Vũ, P Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

Điện thoại: (031) 3978895 - Fax: (031) 3978895

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính

Kết thúc ngày 31/12/2015

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	PTVT - truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá tài sản cố định					
Số dư đầu năm	-	31.348.182	9.961.658.923	84.565.366	10.077.572.471
- Mua trong năm					-
- XDCB hoàn thành					-
- Tăng khác					-
- Chuyển sang BĐS đầu tư					-
- Thanh lý, nhượng bán			342.857.147	40.838.092	383.695.239
- Giảm khác				-	-
Số dư cuối năm	-	31.348.182	9.618.801.776	43.727.274	9.693.877.232
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	-	25.252.704	5.248.103.055	67.803.244	5.341.159.003
- Khấu hao trong năm	-	6.095.478	1.035.204.502	8.745.458	1.050.045.438
- Tăng khác					-
- Chuyển sang BĐS đầu tư					-
- Thanh lý, nhượng bán			205.190.450	40.838.092	246.028.542
- Giảm khác					-
Số dư cuối năm	-	31.348.182	6.078.117.107	35.710.610	6.145.175.899
Giá trị còn lại của TSCĐ					
- Tại ngày đầu năm	-	6.095.478	4.713.555.868	16.762.122	4.736.413.468
- Tại ngày cuối năm	-	-	3.540.684.669	8.016.664	3.548.701.333

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI **Thuyết minh báo cáo tài chính**

Địa chỉ: số 189 đường đi Đình Vũ, P Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

Cho năm tài chính

Điện thoại: (031) 3978895 - Fax: (031) 3978895

Kết thúc ngày 31/12/2015

8. Chi phí trả trước	Số cuối năm	Số đầu năm		
8.1 Chi phí trả trước ngắn hạn	486.496.729	311.112.676		
Chi phí sửa chữa TSCĐ	19.190.773	5.700.001		
Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ	-	1.496.211		
Chi phí thuê văn phòng	467.185.120	281.053.928		
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	120.836	22.862.536		
8.2 Chi phí trả trước dài hạn	46.892.796	276.997.664		
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	-	222.667.500		
Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ	45.043.256	51.148.457		
Dịch vụ mua ngoài	1.849.540	3.181.707		
9. Vay và nợ thuê tài chính (phụ lục 01)				
10. Phải trả người bán	Số cuối năm	Số đầu năm		
Phải trả người bán ngắn hạn	1.281.062.290	1.474.764.194		
a Phải trả người bán không là các bên liên quan	35.550.122	53.767.662		
b Phải trả người bán là các bên liên quan	1.245.512.168	1.420.996.532		
Công ty TNHH vận tải đường bộ duyên hải	32.054.000	139.656.000		
Công ty TNHH sản xuất và thương mại duyên hải	713.904.097	543.838.858		
Công ty TNHH vận tải duyên hải	499.554.071	737.501.674		
<i>Tất cả các khoản phải trả trên đều là nợ trong hạn và Công ty có khả năng thanh toán</i>				
11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước				
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT	333.046.178	2.061.944.034	2.348.942.539	46.047.673
Thuế TNDN	186.945.738	959.603.939	687.606.537	458.943.140
Thuế TNCN	7.038.165	912.005.984	910.691.777	8.352.372
Các loại thuế khác		3.000.000	3.000.000	
Cộng	527.030.081	3.936.553.957	3.950.240.853	513.343.185
12. Chi phí phải trả	Số cuối năm	Số đầu năm		
Chi phí phải trả ngắn hạn				

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI. Thuyết minh báo cáo tài chính

Địa chỉ: số 189 đường đi Đình Vũ, P Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

Cho năm tài chính

Điện thoại: (031) 3978895 - Fax: (031) 3978895

Kết thúc ngày 31/12/2015

Tiền hoa hồng nâng hạ phải trả	32.357.000	52.465.650
Cộng	32.357.000	52.465.650
13. Các khoản phải trả khác	Số cuối năm	Số đầu năm
13.1 Ngắn hạn	8.044.510.034	823.520.485
Bảo hiểm xã hội	-	6.037.200
Cổ tức lợi nhuận phải trả	532.433.850	288.187.850
Phải trả quỹ khen thưởng	1.476.445.569	493.665.820
Phải trả , phải nộp khác	35.630.615	35.629.615
Phải trả Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	6.000.000.000	-
13.2 Phải trả ký quỹ, ký cược dài hạn	-	443.200.000
14. Doanh thu chưa thực hiện	Số cuối năm	Số đầu năm
Doanh thu nhận trước	491.773.811	295.849.161
Cộng	491.773.811	295.849.161



(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI

Địa chỉ: số 189 đường đi Đình Vũ, P Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng
 Điện thoại: (031) 3978895 - Fax: (031) 3978895

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho năm tài chính

Kết thúc ngày 31/12/2015

15. Tăng, giảm vốn chủ sở hữu**A- BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Nội dung	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	LN sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
1. Số dư đầu năm trước	128.700.000.000	9.615.359.500	(2.524.789.900)	225.534.038	50.234.465.268	186.250.568.906
- Tăng vốn trong năm trước	11.600.000.000	2.320.000.000				13.920.000.000
- Lãi trong năm trước					25.716.164.878	25.716.164.878
- Tăng khác				111.972.062		111.972.062
- Giảm vốn năm trước		60.500.000				60.500.000
- Giảm khác năm trước					16.680.194.906	16.680.194.906
2. Số dư cuối năm trước	140.300.000.000	11.874.859.500	(2.524.789.900)	337.506.100	59.270.435.240	209.258.010.940
3. Số dư đầu năm nay	140.300.000.000	11.874.859.500	(2.524.789.900)	337.506.100	59.270.435.240	209.258.010.940
- Tăng vốn trong năm nay	46.810.000.000		(1.340.000)			46.808.660.000
- Lãi trong năm					30.671.598.117	30.671.598.117
- Tăng khác		4.954.500.000		140.335.304	-	5.094.835.304
- Giảm vốn trong năm		6.890.000.000				6.890.000.000
- Giảm khác trong năm		167.000.000			28.207.242.807	28.374.242.807
4. Số dư cuối năm	187.110.000.000	9.772.359.500	(2.526.129.900)	477.841.404	61.734.790.550	256.568.861.554

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI **Thuyết minh báo cáo tài chính**

Địa chỉ: số 189 đường đi Đình Vũ, P Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

Cho năm tài chính

Điện thoại: (031) 3978895 - Fax: (031) 3978895

Kết thúc ngày 31/12/2015

B. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn góp của các cổ đông	184.608.660.000	137.800.000.000
Cổ phiếu quỹ	2.501.340.000	2.500.000.000
Cộng	187.110.000.000	140.300.000.000

C. Báo cáo tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán chứng khoán ra công chúng

Theo giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng số 14/GCN- UBCK do Chủ tịch UBCKNN cấp ngày 07/04/2015

Số lượng chứng khoán chào bán :	3.303.000	cổ phiếu
Giá trị cổ phiếu theo giá chào bán (11.500 đồng/CP)	37.984.500.000	đồng
Chi phí phát hành cổ phiếu	142.000.000	đồng
Tổng số lượng vốn huy động từ đợt chào bán	37.842.500.000	đồng
Ngày hoàn thành đợt chào bán	24/07/2015	

Tổng số tiền huy động từ đợt chào bán Công ty đang gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Liên doanh Việt Nga chi nhánh Hải Phòng theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng số 20/2015/HĐTG/VRB-HP ngày 22/9/2015 số tiền: 2.000.000.000 đồng
- Hợp đồng số 27/2015/HĐTG/VRB-HP ngày 30/10/2015 số tiền: 24.000.000.000 đồng
- Hợp đồng số 32/2015/HĐTG/VRB-HP ngày 13/11/2015 số tiền: 4.000.000.000 đồng
- Hợp đồng số 35/2015/HĐTG/VRB-HP ngày 02/12/2015 số tiền: 2.000.000.000 đồng
- Hợp đồng số 41/2015/HĐTG/VRB-HP ngày 24/12/2015 số tiền: 8.000.000.000 đồng
- Hợp đồng số 43/2015/HĐTG/VRB-HP ngày 28/12/2015 số tiền: 3.000.000.000 đồng

D. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận được chia:

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	140.300.000.000	128.700.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	46.810.000.000	11.600.000.000
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	187.110.000.000	140.300.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	20.369.015.830	12.913.965.530

Đ. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.711.000	14.030.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.460.866	13.780.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	18.460.866	13.780.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	250.134	250.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	250.134	250.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.460.866	13.780.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	18.460.866	13.780.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ 1 Cổ phiếu

E. Cổ tức

Năm nay	Năm trước
----------------	------------------

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: Chưa công bố 11%

Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi:

Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận:

F. Các quỹ doanh nghiệp	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ đầu tư phát triển	477.841.404	337.506.100

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤCTRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH (ĐVT: VND)

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay	Năm trước
Doanh thu Shipline	1.929.992.630	1.779.740.636
Doanh thu khai thác CFS	1.731.750.076	4.617.720.577
Doanh thu bãi	8.436.776.929	6.578.257.960
Doanh thu vận tải	799.979.725	1.105.717.378
Doanh thu thương mại	8.214.499.775	12.195.383.355
Cộng	21.112.999.135	26.276.819.906
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
3. Giá vốn hàng bán	Năm nay	Năm trước
Giá vốn shipline	1.835.751.056	1.750.871.094
Giá vốn khai thác CFS	1.645.162.579	4.549.291.819
Giá vốn bãi	7.670.220.678	5.985.601.782
Giá vốn vận chuyển	560.765.179	855.017.951
Giá vốn thương mại dịch vụ	6.325.914.128	9.625.114.389
Cộng	18.037.813.620	22.765.897.035
4. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	18.585.737	28.259.319
Lãi chênh lệch tỷ giá	95.919	59.971
Cổ tức, lợi nhuận được chia	27.269.365.973	22.909.458.790
Doanh thu hoạt động tài chính khác	5.010.856.656	3.697.475.942
Cộng	32.298.904.285	26.635.254.022
5. Chi phí hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	11.531.667	888.718.587
Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	740.453.151	1.394.434.696
Cộng	751.984.818	2.283.153.283
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	1.533.855.336	1.374.314.164
Chi phí KH TSCĐ	73.584.342	77.938.260
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.033.557.160	1.004.718.381

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI **Thuyết minh báo cáo tài chính**

Địa chỉ: số 189 đường đi Đình Vũ, P Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

Cho năm tài chính

Điện thoại: (031) 3978895 - Fax: (031) 3978895

Kết thúc ngày 31/12/2015

Chi phí QLDN khác	412.239.391	362.826.244
Cộng	3.053.236.229	2.819.797.049
7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	31.631.202.056	26.507.799.929
Điều chỉnh để xác định lợi nhuận chịu thuế	(27.269.365.973)	(22.909.458.790)
<i>Điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Điều chỉnh giảm</i>	<i>27.269.365.973</i>	<i>22.909.458.790</i>
Cổ tức lợi nhuận được chia	27.269.365.973	22.909.458.790
Tổng lợi nhuận chịu thuế	4.361.836.083	3.598.341.139
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	959.603.939	791.635.051
8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu	758.217.940	-
Chi phí nhân viên	1.533.855.336	1.374.314.164
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.050.045.438	1.411.796.164
Chi bằng tiền khác	412.239.391	362.826.244
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.474.071.744	22.436.757.512
Trích lập dự phòng	862.620.000	-
Cộng	21.091.049.849	25.585.694.084

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (VND)

Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

Trong năm không có khoản tiền nào do doanh nghiệp nắm giữ mà không được sử dụng.

	Năm nay	VND
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		-
2. Tiền chi trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường và hợp đồng vay		1.020.000.000
Nguyễn Văn Thuận		720.000.000
Phạm Thị Minh		300.000.000

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1 Công cụ tài chính
Quản lý rủi ro vốn**

Công ty thực hiện quản trị nguồn vốn để đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động vừa có thể tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua việc sử dụng nguồn vốn có hiệu quả.

Cấu trúc vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm: vốn điều lệ cộng với thặng dư vốn cổ phần trừ đi cổ phiếu quỹ, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

	Giá trị ghi số VND	Giá trị hợp lý VND
- Tiền và các khoản tương đương tiền	65.051.792.424	65.051.792.424
- Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	14.063.035.816	14.063.035.816

Công nợ tài chính

Các khoản nợ tài chính đã được đánh giá lại theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán hiện hành để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của công ty. Cụ thể các khoản phải trả người bán và các khoản vay có gốc ngoại tệ đều được đánh giá lại theo tỷ giá tại ngày lập báo cáo. Đồng thời các khoản chi phí đi vay phải trả đã được ghi nhận trong kỳ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công nợ tài chính tại số cuối kỳ

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Phải trả người bán	1.281.062.290	-	1.281.062.290
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	8.044.510.034	-	8.044.510.034
Chi phí phải trả	32.357.000	-	32.357.000
Vay và nợ thuê tài chính	-	-	-

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ này.

Rủi ro thị trường: Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Rủi ro này công ty quản trị bằng việc thực hiện mua hàng từ một số lượng lớn từ các nhà cung cấp trong nước, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán và điều chỉnh giá bán cho người mua khi có biến động lớn về giá cả hàng hóa.

Rủi ro tín dụng: bao gồm rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất. Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để thanh toán cho các khoản nợ phải trả hiện tại và tương lai. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản đối với các khoản nợ phải trả hiện tại dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo việc duy trì một lượng tiền mặt đáp ứng tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn

2. Thông tin về các bên liên quan khác

2.1 Tên tổ chức/ cá nhân có liên quan

Mối quan hệ

Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Công ty con
Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải	Công ty con
Công ty TNHH SX & TM Duyên Hải	Công ty con
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	Công ty con
Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội	Công ty con
Công ty TNHH Thời trang Mỹ phẩm Duyên Hải	Công ty con
Công ty TNHH Container Minh Thành	Công ty con
Công ty Cổ phần hàng hải MACS	Cổ đông lớn
Ông Nguyễn Thành Lê	Cổ đông lớn
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	Cổ đông lớn

2.2. Doanh thu bán hàng và CCDV

Năm nay

Năm trước

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI **Thuyết minh báo cáo tài chính**

Địa chỉ: số 189 đường đi Đình Vũ, P Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

Cho năm tài chính

Điện thoại: (031) 3978895 - Fax: (031) 3978895

Kết thúc ngày 31/12/2015

Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	45.366.071	3.939.189.832
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	105.365.605	112.002.902
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	788.723.066	2.001.384.668
Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Duyên Hải	1.752.306.599	459.705.023
Công ty TNHH MTV Vận Tải ĐPT Duyên Hải Hà Nội	2.887.287	7.483.171
Công ty TNHH Container Minh Thành	864.238.715	1.455.406.363
Cộng	3.558.887.343	7.975.171.959

2.3. Mua hàng hóa dịch vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH sản xuất và thương mại Duyên Hải	5.596.822.888	4.999.031.312
Công ty TNHH vận tải Duyên Hải	5.930.490.678	7.991.360.364
Công ty TNHH vận tải đường bộ Duyên Hải	463.665.000	776.977.500
Cộng	11.990.978.566	13.767.369.176

2.4. Cổ tức lợi nhuận được chia	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	4.609.037.355	3.523.677.756
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	13.173.568.707	11.264.990.288
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	4.116.309.632	2.117.227.928
Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Duyên Hải	4.879.207.230	3.702.061.707
Công ty TNHH Container Minh Thành	491.243.049	2.301.501.111
Cộng	27.269.365.973	22.909.458.790

2.5. Các khoản phải thu	Năm nay	Năm trước
a Phải thu cho vay		
Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải	26.182.000.000	22.660.000.000
Công ty TNHH Container Minh Thành	15.550.000.000	14.510.000.000
Công ty TNHH MTV VT ĐPT Duyên Hải Hà Nội	750.000.000	400.000.000
Công ty TNHH SX và Thương mại Duyên Hải	-	2.000.000.000
b Phải thu khách hàng		
Công ty TNHH vận tải đường bộ Duyên Hải	61.600.000	54.560.000
Công ty TNHH sản xuất và thương mại Duyên Hải	-	110.000.000
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	9.953.770	18.259.199
c Phải thu khác		
Phải thu về cổ tức, lợi nhuận được chia		
Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải	3.344.990.500	1.318.536.191
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	1.450.274.300	1.951.856.188
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	2.415.772.761	3.648.858.333
Công ty TNHH Container Minh Thành	252.642.112	268.556.073
Công ty TNHH Vận Tải Duyên Hải	1.183.909.397	441.965.216

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Phải thu lãi vay

Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên Hải	127.668.333	138.262.222
Công ty TNHH MTV VT ĐPT Duyên Hải Hà Nội	21.520.000	18.306.667
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	-	27.111.111
Công ty TNHH Container Minh Thành	80.341.667	

Phải thu khác

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	2.327.085.000	407.583.000
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	110.825.000	182.688.000
Nguyễn Thành Lê		1.140.000.000

Cộng **53.868.582.840** **49.296.542.200**

2.7. Các khoản phải trả

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	32.054.000	139.656.000
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	713.904.097	543.838.858
Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	499.554.071	737.501.674
Cộng	1.245.512.168	1.420.996.532

3 Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ Công ty cung cấp

Công ty có kinh doanh các dịch vụ chính sau:

Kinh doanh dịch vụ: Dịch vụ xuất tàu Shipline, dịch vụ kho CFS, dịch vụ bãi và cho thuê bãi.

Kinh doanh thương mại: Bán hàng hoá, thành phẩm...

Khu vực địa lý: Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam

Thông tin về kết quả kinh doanh, của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Kỳ này	Doanh thu theo bộ phận	Chi phí theo bộ phận	KQKD theo bộ phận
Kinh doanh dịch vụ	12.898.499.360	11.711.899.492	1.186.599.868
Kinh doanh thương mại	8.214.499.775	6.325.914.128	1.888.585.647
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(3.053.236.229)
Cộng	21.112.999.135	18.037.813.620	21.949.286

4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội. Các Báo cáo này đã được lập theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006. Năm 2015 là kỳ kế toán đầu tiên doanh nghiệp thực hiện chế độ kế toán theo hướng dẫn Thông tư 200 (TT200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014). Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp với kỳ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI **Thuyết minh báo cáo tài chính**

Địa chỉ: số 189 đường đi Đình Vũ, P Đông Hải 2, Quận Hải An, TP Hải Phòng

Cho năm tài chính

Điện thoại: (031) 3978895 - Fax: (031) 3978895

Kết thúc ngày 31/12/2015

Tài sản	Số cuối năm 2014	Số đầu năm 2015	Chênh lệch
	theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006	theo TT 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014	
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	41.673.784.329	38.753.784.329	(2.920.000.000)
II. Các khoản đầu tư tài chính	13.000.000.000	-	(13.000.000.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	14.181.607.381	27.917.128.453	13.735.521.072
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	13.000.000.000	13.000.000.000
4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	9.544.697.026	10.280.218.098	735.521.072
V. Tài sản ngắn hạn khác	3.966.633.748	311.112.676	(3.655.521.072)
3. Tài sản ngắn hạn khác	3.655.521.072	-	(3.655.521.072)
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	173.224.096.510	176.144.096.510	2.920.000.000
I. Các khoản phải thu dài hạn	-	29.490.000.000	29.490.000.000
1. Phải thu về cho vay dài hạn	-	26.570.000.000	26.570.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	-	2.920.000.000	2.920.000.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	168.210.685.378	141.640.685.378	(26.570.000.000)
2. Đầu tư dài hạn khác	26.570.000.000	-	(26.570.000.000)

Nguồn vốn	Số cuối năm 2014	Số đầu năm 2015	Chênh lệch
	theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006	theo TT 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014	
I. Nợ ngắn hạn	5.196.669.899	4.397.669.899	(799.000.000)
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	295.849.161	295.849.161
7. Phải trả ngắn hạn khác	1.119.369.646	823.520.485	(295.849.161)
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	1.819.000.000	1.020.000.000	(799.000.000)
II. Nợ dài hạn	443.200.000	1.242.200.000	799.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	799.000.000	799.000.000
1. Vốn góp của chủ sở hữu			
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		137.800.000.000	TM bổ sung
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	59.270.435.240	59.270.435.240	
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		50.234.465.268	Thuyết minh tách số
- LNST chưa phân phối kỳ này		9.035.969.972	kỳ trước và kỳ này

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Ban Giám đốc khẳng định rằng, Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong kỳ hoạt động tiếp theo

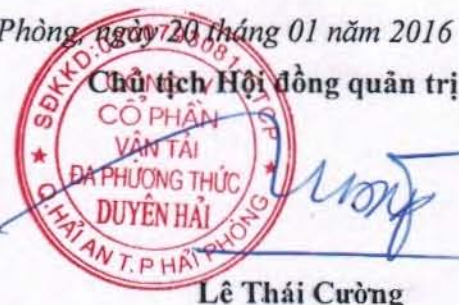
6. Những thông tin khác

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế với việc áp dụng các quy định và Chuẩn mực kế toán cho các giao dịch tại Công ty có thể được giải thích theo cách khác nhau vì vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

Hải Phòng, ngày 20 tháng 01 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng



(Signature)

(Signature)

Nguyễn Thu Thủy

Nguyễn Thu Thủy

Lê Thái Cường

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Phụ lục 01

9. Vay và nợ thuê tài chính

Khoản mục	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	-	-	-	1.020.000.000	1.020.000.000	1.020.000.000
Nguyễn Văn Thuận	-	-	-	720.000.000	720.000.000	720.000.000
Phạm Thị Minh	-	-	-	300.000.000	300.000.000	300.000.000
Vay dài hạn	-	-	-	799.000.000	799.000.000	799.000.000
Đặng Hồng Quân	-	-	-	799.000.000	799.000.000	799.000.000
Tổng cộng		-	-	1.819.000.000	1.819.000.000	1.819.000.000

